TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**172/**2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/12/2021
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quyết Thắng**
Hội thẩm nhân dân: **Bà Phùng Thị Kim Loan**
Bà Bùi Thị Thu Giang
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Hồng Nhung**
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Vĩnh Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 28/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số 155/2021/TLST-HNGĐ ngày 09/11/2021về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2021/QĐXX-ST ngày 02/12/2021, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị V.T.T, sinh năm 1984. Có mặt.
HKTT: Tổ 1 phường L.N, quận H.M, Hà Nội.
Hiện ở: Số 156/521 T.Đ, phường T.L, H.M, Hà Nội.
*** Bị đơn:** Anh N.M.H, sinh năm 1983. Vắng mặt.
HKTT: Tổ 1 phường L.N, quận H.M, Hà Nội
Hiện ở: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của Nguyên đơn là chị V.T.T trình bày:***

Chị V.T.T kết hôn với anh N.M.H và đăng ký kết hôn tại UBND xã T.P, huyện H.H, tỉnh Thái Bình vào ngày 28/11/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng mua nhà và sinh sống tại tổ 1 phường L.N, quận H.M, Hà Nội. Năm 2013, vợ chồng bán căn nhà trên và đi thuê nhà để ở. Đến năm 2018, vợ chồng mua được căn nhà tại 156 ngõ 521 T.Đ và sinh sống tại đó cho đến nay. Tháng 4 năm 2018, anh N.M.H đi lao động tại Đài Loan từ đó cho đến nay không về Việt Nam. Thời gian đầu, anh H có liên lạc với gia đình nhưng cũng không cho gia đình biết địa chỉ cụ thể ở đâu và sau đó chị cũng không liên lạc được với anh H nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn,

cuộc sống chung không có nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.M.H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu N.T.M.N- sinh ngày 24/9/2012 và cháu N.T.A- sinh ngày 15/9/2013. Hiện chị đang chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu và các cháu cũng có nguyện vọng được ở cùng với chị. Trong quá trình anh H đi lao động cho đến nay, anh H không gửi khoản tiền nào để nuôi các con nên chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là anh N.M.H vắng mặt không có lý do.

Theo công văn số 22498/QLXNC - Bộ công an ngày 30/9/2021 thể hiện: Anh N.M.H xuất cảnh lần gần nhất vào ngày 16/4/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại biên bản lấy lời khai của ông N.D.Q và bà H.T.N trình bày: Anh N.M.H là con của ông bà. Hiện anh H đang lao động tại Đài Loan. Anh H vẫn thường xuyên liên lạc với ông bà nhưng ông bà cũng không rõ địa chỉ cụ thể của anh H. Việc chị T có đơn ly hôn với anh H thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Gia đình cũng cam kết nhận văn bản của Tòa án và sẽ thông báo lại cho anh H.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị V.T.T vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.M.H để ổn định cuộc sống.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hà Nội phát biểu:***

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án tiến hành thông báo cho gia đình anh H biết để thông báo lại cho anh H nhưng anh H không có ý kiến gì nên Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị V.T.T kết hôn với anh N.M.H và đăng ký kết hôn tại UBND xã T.P, huyện H.H, Thái Bình vào ngày 28/11/2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Xét cuộc sống chung vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị V.T.T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của chị. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu N.T.M.N- sinh ngày 24/9/2012 và cháu N.T.A- sinh ngày 15/9/2013. Hiện chị T đang chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu và các cháu cũng có nguyện vọng được ở cùng với chị nên giao cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H đóng góp phí tổn nuôi con. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không xét. Về nợ chung: Không có và chị T không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bố mẹ đẻ của anh H và bố mẹ đẻ của anh H trình bày gia đình vẫn liên lạc được với anh H qua điện thoại nhưng cũng không thể cung cấp được địa chỉ của anh H ở nước ngoài cho Tòa án, đồng thời gia đình của anh H cũng cam kết nhận văn bản của Tòa án và sẽ thông báo cho anh H. Do vậy, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị V.T.T kết hôn với anh N.M.H và đăng ký kết hôn tại UBND xã T.P, huyện H.H, tỉnh Thái Bình vào ngày 28/11/2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyện vọng của chị V.T.T trình bày về việc cuộc sống chung vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu N.T.M.N- sinh ngày 24/9/2012 và cháu N.T.A–sinh ngày 15/9/2013. Hiện chị đang chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu, các cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với chị nên tiếp tục giao cho chị chăm sóc nuôi dưỡng hai con và ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nếu các bên có yêu cầu.

Về án phí: Chị V.T.T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị V.T.T. Chị V.T.T được ly hôn với anh N.M.H.

2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu N.T.M.N- sinh ngày 24/9/2012 và cháu N.T.A- sinh ngày 15/9/2013. Giao hai con chung cho chị V.T.T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh N.M.H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nếu các bên có yêu cầu.

5. Về án phí: Chị V.T.T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 49156 ngày 05/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H.M, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm.

Chị V.T.T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N.M.H được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *Cục THADS quận H.M;*
- *UBND xã T.P, H.H, Thái Bình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Quyết Thắng